

DỰ THẢO

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND

Hà Nội, ngày... tháng 04 năm 2025

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND sửa đổi lần thứ XIV ngày tháng 04 năm 2025;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số... ngày... tháng 04 năm 2025

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan; quy định chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng quản trị, mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị và các cấp trong Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND; quy định việc phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Giám đốc trong công tác cán bộ và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và điều chỉnh mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành thông qua cơ chế làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành để quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành hiệu quả và khoa học.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, Cổ đông. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước Pháp luật về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty, trừ thành viên biểu quyết không tán thành.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị phải phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân công và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó;

giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Không còn được cổ đông Công ty ủy quyền làm người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của cổ đông tại Công ty (đối với trường hợp tham gia Hội đồng quản trị do cổ đông ủy quyền quản lý vốn đề cử/giới thiệu);

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
Theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản

trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời

hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

4. Nguyên tắc xem xét giải quyết công việc của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc giám đốc.

a. Đối với các công việc Hội đồng quản trị trực tiếp giải quyết theo Điều 15, Điều 16 Quy chế này;

b. Đối với các công việc Hội đồng quản trị không trực tiếp giải quyết thì Người được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc theo

quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Trong quá trình Hội đồng quản trị giải quyết xử lý công việc, cá nhân, đơn vị có liên quan có trách nhiệm bổ sung hồ sơ, tài liệu, giải trình những vấn đề cần được làm rõ bằng văn bản theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị với vai trò Người đại diện theo pháp luật trực tiếp ban hành Quyết định/ văn bản (không phải tổ chức họp Hội đồng quản trị) để chỉ đạo:

- a. Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý, hàng năm của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức việc thực hiện chương trình, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Tổ chức giám sát, đánh giá kết quả theo mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Công ty; kết quả quản lý, điều hành của Giám đốc;
- f. Thay mặt Công ty với vai trò người có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật;

6. Phân cấp của Hội đồng quản trị:

a. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) sử dụng bộ máy điều hành, giúp việc và dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực hoặc chuyên đề được phân công; đề xuất, báo cáo Hội đồng quản trị về quan điểm của mình để cùng các thành viên Hội đồng quản trị khác thảo luận và giải quyết công việc;

b. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (nếu có) được Hội đồng quản trị phân công theo dõi, giám sát một hoặc nhiều các công việc thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực, đơn vị hoặc theo chuyên đề. Thành viên chuyên trách có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát các công việc theo lĩnh vực, đơn vị hoặc chuyên đề được phân công; đề xuất, báo cáo Hội đồng quản trị về ý kiến, quan điểm của mình để cùng các thành viên Hội đồng quản trị khác thảo luận và giải quyết công việc.

c. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc có chức năng và nhiệm vụ:

- Thực hiện vai trò điều hành công ty theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty, được sử dụng/ điều hành mọi nguồn lực của công ty để triển khai công tác sản xuất kinh doanh đúng mục tiêu, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ra quyết định ban hành.

- Thực hiện vai trò theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật cho Giám đốc trên cơ sở văn bản ủy quyền tuân thủ Điều lệ công ty và các quy định của pháp

luật có liên quan.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Về chỉ đạo và thực hiện chỉ đạo:

- Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết. Hội đồng quản trị thống nhất quản trị Công ty theo mục tiêu, Ban điều hành có trách nhiệm sử dụng toàn bộ nguồn lực của Công ty để triển khai thực hiện mục tiêu trên cơ sở tuân thủ Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Hội đồng quản trị tổ chức họp với Ban điều hành để nghe báo cáo về hoạt động của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định/ văn bản do Hội đồng quản trị ban hành, cũng như các khó khăn vướng mắc trong quá trình quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định/ văn bản do Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở không chòng chéo và gây cản trở đến hoạt động bình thường của Công ty. Trong trường hợp cần thiết hoặc theo kế hoạch hàng năm, Hội đồng quản trị thành lập tổ công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết/ quyết định/ văn bản do Hội đồng quản trị ban hành.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc cử Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách) tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án, dự án do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc đại diện của Hội đồng quản trị dự họp phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc trong phạm vi cho phép được chủ động giải quyết xử lý và chịu trách nhiệm về các quyết định đó. Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quyết định đó.

- Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của Công ty hoặc của Cổ đông. Trong trường hợp này, Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán bằng văn bản.

2. Về thực hiện ủy quyền của người đại diện theo pháp luật

Giám đốc thực hiện nhiệm vụ của người được ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty; trong phạm vi ủy quyền cho phép được chủ động giải quyết xử lý và chịu trách nhiệm về các quyết định đó.

3. Giám sát và nguyên tắc giám sát:

- Công tác giám sát thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

- Không chồng chéo và gây cản trở đến hoạt động bình thường của Công ty, đối tượng giám sát và các chủ thể liên quan khác.

- Phương thức và nội dung giám sát:

+ Giám sát gián tiếp: Qua các báo cáo của Giám đốc.

+ Giám sát trực tiếp: Qua kế hoạch giám sát chuyên đề hoặc đột xuất tùy theo tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị chỉ đạo thành lập các Tổ công tác để thực hiện công tác giám sát.

Trên cơ sở tổng hợp thông tin từ các phương thức nêu trên, hoặc theo phân công/ ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát và chủ động báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh liên quan đến nội dung/ lĩnh vực, đơn vị được phân công (nếu có).

4. Chế độ thông tin/ báo cáo:

- Định kỳ theo quy định tại điều lệ hoặc trùng với kỳ báo cáo theo yêu cầu của Công ty Mẹ Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, Giám đốc hành báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người đại diện theo pháp luật về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện ủy quyền và kế hoạch kỳ tiếp theo.

- Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc do Ban điều hành thấy cần phải báo cáo do các vấn đề xử lý vượt thẩm quyền và hoặc có nguy cơ làm ảnh hưởng đến mục tiêu của Hội đồng quản trị đề ra

- Nội dung báo cáo được xây dựng theo nguyên tắc: Thực hiện đầy đủ các nội dung báo cáo theo mẫu, hoặc các nội dung được yêu cầu theo quy định, thông tin trong báo cáo phải đảm bảo nguyên tắc đầy đủ, trung thực không trùng lặp, trong cùng một kỳ báo cáo trừ các báo đặc thù, mỗi loại báo cáo chỉ chứa các thông tin đảm bảo không trùng lặp với nội dung báo cáo khác nhằm đáp ứng không chồng chéo dữ liệu và phục vụ lưu trữ một cách khoa học; các báo cáo đặc thù, chuyên biệt được tách ra từ cơ sở dữ liệu chung phục vụ theo từng mục đích quản trị, giám sát (nếu có).

Điều 22. Mọi quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan



xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND bao gồm 07 Chương, 23 Điều, 13 trang đã được biểu quyết nhất trí thông qua ngày ... tháng 04 năm 2025 theo tinh thần của Điều ... Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

3. Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng/ban trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 23;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Phạm Cao Sơn

